

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vĩnh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

---

## **MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>			
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch		
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên		
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên		
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban		
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên		
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên		
<b><u>Ban Tổng Giám đốc</u></b>			
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lê Đức Duy	Phó Tổng Giám đốc	9/12/2020	4/6/2021

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM" and "TP. KON TUM - T. KON TUM" around the perimeter, with a registration number "SDKK06100228104-CTP" at the top.

---

**ĐẶNG THỊ THU HẰNG - Tổng Giám đốc**

Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021



Số: 0353/2021/BCTC-KTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 21 tháng 9 năm 2021, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, Kiểm toán viên này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại ngày 14 tháng 9 năm 2020.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



**NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

**TRẦN THỌ ĐỨC TIỀN - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4325-2018-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Mẫu B01-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/7/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>215.220.685.952</b>	<b>158.938.181.688</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.772.552.795</b>	<b>1.606.589.930</b>
Tiền	111	V.1	2.772.552.795	1.606.589.930
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>201.260.281.837</b>	<b>109.472.552.381</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	164.160.025.000	86.002.280.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	32.432.298.180	22.652.243.283
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.161.630.274	1.361.874.608
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.633.671.617)	(3.683.845.910)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.941.180.907</b>	<b>47.820.620.683</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	10.941.180.907	47.820.620.683
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>246.670.413</b>	<b>38.418.694</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	246.670.413	38.418.694
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>224.357.822.355</b>	<b>239.979.238.693</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>221.705.855.312</b>	<b>237.690.992.745</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	220.433.359.210	236.411.310.926
Nguyên giá	222		376.718.796.676	375.412.684.857
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.285.437.466)	(139.001.373.931)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.272.496.102	1.279.681.819
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(686.298.184)	(679.112.467)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>78.927.108</b>	<b>35.518.600</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		78.927.108	35.518.600
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.573.039.935</b>	<b>2.252.727.348</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.573.039.935	2.252.727.348
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>439.578.508.307</b>	<b>398.917.420.381</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/7/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>276.421.184.280</b>	<b>240.133.928.905</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>218.593.184.280</b>	<b>119.567.298.615</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.903.671.547	5.594.151.711
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		629.684.050	184.215.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.634.421.689	5.720.426.341
4. Phải trả người lao động	314		1.605.396.092	374.423.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	4.804.780.280	7.864.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	600.782.499	20.102.756
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	182.090.766.624	105.259.393.858
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	2.015.929.726	1.494.359.585
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	307.751.773	912.361.149
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.828.000.000</b>	<b>120.566.630.290</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	57.828.000.000	120.566.630.290
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.157.324.027</b>	<b>158.783.491.476</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>163.157.235.845</b>	<b>158.783.403.294</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.700.000.000</i>	<i>50.700.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.036.762.274	5.136.360.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.136.444.878	81.663.014.601
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>76.464.801.545</i>	<i>79.680.876.546</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>5.671.643.333</i>	<i>1.982.138.055</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>439.578.508.307</b>	<b>398.917.420.381</b>

Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
**Tổng Giám đốc**

**MAI THỊ TUYẾT NHUNG**  
**Kế toán trưởng**

**TRẦN VĂN DANH**  
**Người lập biểu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	248.218.462.434	153.196.296.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>248.218.462.434</b>	<b>153.196.296.831</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	220.314.222.352	133.412.975.188
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>27.904.240.082</b>	<b>19.783.321.643</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.141.416.468	2.241.441.994
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.606.342.694	12.223.053.410
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.339.087.454	11.896.352.527
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.005.271.168	609.333.677
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.554.662.771	5.556.824.623
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.879.379.917</b>	<b>3.635.551.927</b>
11. Thu nhập khác	31		119.349.399	90.938.934
12. Chi phí khác	32		1.721.351.513	1.332.025.542
<b>13. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>(1.602.002.114)</b>	<b>(1.241.086.608)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.277.377.803</b>	<b>2.394.465.319</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.605.734.470	412.327.264
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.671.643.333</b>	<b>1.982.138.055</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.9a</b>	<b>1.007</b>	<b>352</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.9b</b>	<b>1.007</b>	<b>352</b>

Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Tổng Giám đốc

**MAI THỊ TUYẾT NHUNG**  
Kế toán trưởng

**TRẦN VĂN DANH**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Mẫu B 03-DN****Đơn vị tính: VND****Từ 01/7/2019****đến 30/6/2020**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		172.701.619.100	143.944.700.850
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(140.652.272.128)	(149.845.230.977)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.610.095.539)	(17.295.955.723)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.II	(15.893.475.484)	(15.111.645.492)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(472.660.152)	(247.363.804)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.020.233.775	2.979.042.142
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.341.296.647)	(6.694.708.032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.247.947.075)</b>	<b>(42.271.161.036)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.683.958.523)	(707.962.718)
2. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		5.125.987	9.047.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.678.832.536)</b>	<b>(698.915.490)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		143.355.923.411	171.516.496.570
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(129.263.180.935)	(155.981.159.138)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.092.742.476</b>	<b>15.535.337.432</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.165.962.865</b>	<b>(27.434.739.094)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.I</b>	<b>1.606.589.930</b>	<b>29.041.329.024</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.I</b>	<b>2.772.552.795</b>	<b>1.606.589.930</b>

Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Tổng Giám đốc

**MAI THỊ TUYẾT NHUNG**  
Kế toán trưởng

**TRẦN VĂN DANH**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B09-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập dựa trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số doanh nghiệp là 6100228104).

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

• **Vốn điều lệ** : 50.700.000.000 VND

Số cổ phiếu : 5.070.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Điện thoại : 0603 864 958 - 0603 289 552

Fax : 0603 862 969

Mã số thuế : 6 1 0 0 2 2 8 1 0 4

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm có liên quan.

#### 3. Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty phản ánh lợi nhuận 5.671.643.333 VND, tăng đáng kể so với kỳ trước là 3.689.505.278 VND tương ứng tăng 186%, trong đó doanh thu bán đường trong năm đạt 209.953.111.174 VND với tỷ lệ tăng là 59%.

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.3).

##### **7. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 178 người (tại ngày 01 tháng 7 năm 2020: 175 người).

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm tiếp theo.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3. Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### **5. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành dựa trên số ngày quá hạn các khoản vay hoặc theo đánh giá khả năng thu hồi. Theo đó, khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

##### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về bán hàng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi trả chậm, lãi ứng vốn vùng nguyên liệu, tạm ứng nhân viên và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### **8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 8

#### **9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán và tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thời hạn lâu dài, không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của các phần mềm máy tính, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

Tài sản cố định vô hình khác được Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

#### **10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, các khoản tiền nhận thế chân nông dân vụ mùa mía và các khoản phải trả khác.

#### **12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

##### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### ***Phân phối lợi nhuận thuần***

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Quỹ này được trích nhằm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### **13. Doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **15. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **18. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### **19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/7/2020
Tiền mặt	246.600.698	43.395.822
Tiền gửi ngân hàng	2.525.952.097	1.563.194.108
<b>Cộng</b>	<b>2.772.552.795</b>	<b>1.606.589.930</b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	6.695.475.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Vương Quốc Việt (*)	26.500.000.000	13.400.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa (*)	15.680.000.000	51.309.794.600
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	34.225.000.000	19.400.000.000
Công ty TNHH MTV Kỳ Quang	1.520.000.000	1.892.485.800
Khách hàng khác	79.539.550.000	
<b>Cộng</b>	<b>164.160.025.000</b>	<b>86.002.280.400</b>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (\*)

48.875.475.000	64.709.794.600
----------------	----------------

##### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa (*)	-	5.050.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	14.660.682.390	9.983.682.390
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	4.922.559.660	-
Trả trước đầu tư vùng nguyên liệu	11.758.407.330	6.013.886.750
Nhà cung cấp khác	1.090.648.800	1.604.674.143
<b>Cộng</b>	<b>32.432.298.180</b>	<b>22.652.243.283</b>

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (\*)

14.660.682.390	15.033.682.390
----------------	----------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>		<b>01/7/2020</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	(450.000.000)	450.000.000	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	(190.000.000)	190.000.000	(190.000.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>3.140.000.000</b>	<b>(3.140.000.000)</b>	<b>3.140.000.000</b>	<b>(3.140.000.000)</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>		<b>01/7/2020</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt (*)	29.113.124	-	-	-
Công ty Cổ phần Vương Quốc Việt (*)	173.019.178	-	88.109.589	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa (*)	3.225.538.767	-	-	-
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	225.041.095	-	127.561.644	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	235.069.436	(235.069.436)	235.069.436	(235.069.436)
Công ty Cổ phần XD GT Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	(189.512.499)	189.512.499	(189.512.499)
Tạm ứng nhân viên	608.655.218	-	24.000.000	-
Trong đó, Ông Nguyễn Hữu Quảng (*)	577.629.424	-	16.000.000	-
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	273.316.631	-	572.753.662	-
Các khoản phải thu khác	202.364.326	(4.867.778)	124.867.778	(4.867.778)
<b>Cộng</b>	<b>5.161.630.274</b>	<b>(429.449.713)</b>	<b>1.361.874.608</b>	<b>(429.449.713)</b>
	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan (*)	4.005.300.493	-	104.109.589	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vĩnh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Nợ xấu

	30/6/2021			01/7/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>	<b>3.140.000.000</b>	-	<b>(3.140.000.000)</b>	<b>3.140.000.000</b>	-	<b>(3.140.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	(500.000.000)	500.000.000	-	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	(450.000.000)	450.000.000	-	(450.000.000)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	(190.000.000)	190.000.000	-	(190.000.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>	<b>429.449.713</b>	-	<b>(429.449.713)</b>	<b>429.449.713</b>	-	<b>(429.449.713)</b>
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	235.069.436	-	(235.069.436)	235.069.436	-	(235.069.436)
Công ty Cổ phần XD GT Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	-	(189.512.499)	189.512.499	-	(189.512.499)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	4.867.778	-	(4.867.778)	4.867.778	-	(4.867.778)
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>	<b>68.931.939</b>	<b>4.710.035</b>	<b>(64.221.904)</b>	<b>155.568.371</b>	<b>41.172.174</b>	<b>(114.396.197)</b>
Trả trước cho nông dân trồng mía	68.931.939	4.710.035	(64.221.904)	155.568.371	41.172.174	(114.396.197)
<b>Cộng</b>	<b>3.638.381.652</b>	<b>4.710.035</b>	<b>(3.633.671.617)</b>	<b>3.725.018.084</b>	<b>41.172.174</b>	<b>(3.683.845.910)</b>

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu, các khoản ứng trước cho nông dân trồng mía,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các đối tượng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>		<b>01/7/2020</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.538.054.459	-	5.118.484.567	-
Công cụ, dụng cụ	8.139.684.599	-	9.891.098.601	-
Chi phí SXKD dở dang	959.964.036	-	225.787.677	-
Thành phẩm	36.835	-	32.097.359.335	-
Hàng hóa	303.440.978	-	487.890.503	-
<b>Cộng</b>	<b>10.941.180.907</b>	<b>-</b>	<b>47.820.620.683</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/7/2020</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>246.670.413</b>	<b>38.418.694</b>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	87.127.000	-
Chi phí bảo hiểm	142.693.413	812.250
Chi phí khác	16.850.000	37.606.444
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.573.039.935</b>	<b>2.252.727.348</b>
Công cụ, dụng cụ	654.686.090	206.155.595
Tiền thuê đất	1.908.471.758	1.966.725.465
Chi phí khác	9.882.087	79.846.288
<b>Cộng</b>	<b>2.819.710.348</b>	<b>2.291.146.042</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vĩnh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
01/7/2020	110.296.767.263	262.027.581.745	2.545.235.634	543.100.215	375.412.684.857
Tăng trong năm	-	1.306.111.819	-	-	1.306.111.819
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>30/6/2021</b>	<b>110.296.767.263</b>	<b>263.333.693.564</b>	<b>2.545.235.634</b>	<b>543.100.215</b>	<b>376.718.796.676</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
01/7/2020	43.722.959.167	92.916.639.441	1.898.333.444	463.441.879	139.001.373.931
Tăng trong năm	3.498.175.800	13.638.932.335	127.485.400	19.470.000	17.284.063.535
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>3.498.175.800</i>	<i>13.638.932.335</i>	<i>127.485.400</i>	<i>19.470.000</i>	<i>17.284.063.535</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>30/6/2021</b>	<b>47.221.134.967</b>	<b>106.555.571.776</b>	<b>2.025.818.844</b>	<b>482.911.879</b>	<b>156.285.437.466</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/7/2020	66.573.808.096	169.110.942.304	646.902.190	79.658.336	236.411.310.926
<b>30/6/2021</b>	<b>63.075.632.296</b>	<b>156.778.121.788</b>	<b>519.416.790</b>	<b>60.188.336</b>	<b>220.433.359.210</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>					
01/7/2020	14.114.047.778	59.641.683.495	1.232.047.700	348.400.215	75.336.179.188
<b>30/6/2021</b>	<b>14.114.047.778</b>	<b>59.641.683.495</b>	<b>1.324.047.700</b>	<b>348.400.215</b>	<b>75.428.179.188</b>
<b>Giá trị còn lại của tài sản cố định đảm bảo thế chấp khoản vay (xem Thuyết minh số V.15):</b>					
01/7/2020	66.573.808.096	169.110.942.304	-	-	235.684.750.400
<b>30/6/2021</b>	<b>63.075.632.296</b>	<b>156.778.121.788</b>	-	-	<b>219.853.754.084</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
01/7/2020	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>30/6/2021</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>635.080.000</b>	<b>143.714.286</b>	<b>1.958.794.286</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/7/2020	-	635.080.000	44.032.467	679.112.467
Tăng trong năm	-	-	7.185.717	7.185.717
Khấu hao trong năm	-	-	7.185.717	7.185.717
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>30/6/2021</b>	<b>-</b>	<b>635.080.000</b>	<b>51.218.184</b>	<b>686.298.184</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
01/7/2020	1.180.000.000	-	99.681.819	1.279.681.819
<b>30/6/2021</b>	<b>1.180.000.000</b>	<b>-</b>	<b>92.496.102</b>	<b>1.272.496.102</b>

Nguyên giá của phần mềm máy tính đã đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 635.080.000 VND (tại ngày 01 tháng 7 năm 2020: 635.080.000 VND).

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2021		01/7/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La (*)	9.900.000.000	9.900.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTNN Tiến Nông	3.963.985.000	3.963.985.000	1.879.000.000	1.879.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	1.445.000.000	1.445.000.000	1.351.200.000	1.351.200.000
Nhà cung cấp khác	3.594.686.547	3.594.686.547	2.363.951.711	2.363.951.711
<b>Cộng</b>	<b>18.903.671.547</b>	<b>18.903.671.547</b>	<b>5.594.151.711</b>	<b>5.594.151.711</b>
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (*)	9.900.000.000	9.900.000.000	-	-

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/7/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2021
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	4.966.223.560	10.748.906.918	9.998.915.502	5.716.214.976
Thuế thu nhập doanh nghiệp	647.861.785	1.605.734.470	472.660.152	1.780.936.103
Thuế thu nhập cá nhân	20.853.298	68.079.667	39.599.827	49.333.138
Thuế tài nguyên	-	87.146.022	84.696.248	2.449.774
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	85.487.698	170.975.396	170.975.396	85.487.698
Các loại thuế khác	-	264.933.306	264.933.306	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	01/7/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2021
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Các loại thuế khác</i>	-	261.933.306	261.933.306	-
<b>Cộng</b>	<b>5.720.426.341</b>	<b>12.945.775.779</b>	<b>11.031.780.431</b>	<b>7.634.421.689</b>

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
  - + Không chịu thuế : Phân bón
  - + Thuế suất 5% : Đường và các sản phẩm từ mía
  - + Thuế suất 10% : Hoạt động khác

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021	01/7/2020
Chi phí lãi vay	4.445.611.970	-
Chi phí lãi trả chậm	213.760.335	7.864.000
Chi phí phải trả khác	145.407.975	-
<b>Cộng</b>	<b>4.804.780.280</b>	<b>7.864.000</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

KPCĐ	156.448.288	-
BHXX, BHYT, BHTN	245.961.609	102.756
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La (*)	176.572.602	-
Phải trả khác	21.800.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>600.782.499</b>	<b>20.102.756</b>
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	176.572.602	-

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **15. Vay và nợ tài chính**

	01/7/2020		Trong kỳ		30/6/2021
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a) Vay ngắn hạn	105.259.393.858	105.259.393.858	206.094.553.701	(129.263.180.935)	182.090.766.624
	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum (i)				
	103.259.393.858	103.259.393.858	202.094.553.701	(129.263.180.935)	176.090.766.624
	Trong đó, các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum được gia hạn nợ				
	-	-	56.738.630.290	-	56.738.630.290
b) Vay dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	-	6.000.000.000
	120.566.630.290	120.566.630.290	-	(62.738.630.290)	57.828.000.000
	Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum (ii)				
	63.828.000.000	63.828.000.000		(6.000.000.000)	57.828.000.000
	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Kon Tum được gia hạn nợ				
Cộng	225.826.024.148	225.826.024.148	206.094.553.701	(192.001.811.225)	239.918.766.624
					-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum với các hợp đồng cụ thể như sau:

- (i) Các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/666424/HĐTD ngày 25 tháng 01 năm 2021 với hạn mức vay là 180 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC của Công ty. Lãi vay áp dụng trong kỳ từ 8%/năm đến 9,3%/năm (kỳ trước: 8%/năm). Trong đó, các khoản vay ngắn hạn được Ngân hàng gia hạn nợ đã đến hạn thanh toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán là 56.738.630.290 VND.
- (ii) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/666424/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng. Mục đích vay là để thực hiện dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy đường từ 1800 TMN lên 2500 TMN. Số tiền tối đa là 93.828.000.000 VND nhưng không được vượt quá 54,6% tổng mức đầu tư thực tế của dự án, thời hạn vay từ ngày 17 tháng 8 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027. Lãi suất vay trong kỳ là 11%/năm (kỳ trước: 9,1%/năm). Công ty đã rút vốn vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 65.828.000.000 VND.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/7/2020</b>
Trong vòng 1 năm	6.000.000.000	2.000.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	43.000.000.000	31.000.000.000
Sau 5 năm	14.828.000.000	32.828.000.000
	<b>63.828.000.000</b>	<b>65.828.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(6.000.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>57.828.000.000</b>	<b>63.828.000.000</b>

Công ty sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem Thuyết minh số V.9).

#### **16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/7/2020</b>
Dự phòng quỹ tiền lương	2.015.929.726	1.494.359.585
<b>Cộng</b>	<b>2.015.929.726</b>	<b>1.494.359.585</b>

#### **17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.359.087	189.946.031
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	296.392.686	296.392.686
Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	-	426.022.432
<b>Cộng</b>	<b>307.751.773</b>	<b>912.361.149</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>						
<b>01/7/2019</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>5.136.360.000</b>	<b>80.623.072.234</b>	<b>157.743.460.927</b>
Lợi nhuận trong năm từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2020	-	-	-	-	1.982.138.055	1.982.138.055
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(452.644.322)	(452.644.322)
Giảm khác	-	-	-	-	(489.551.366)	(489.551.366)
<b>30/6/2020</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>5.136.360.000</b>	<b>81.663.014.601</b>	<b>158.783.403.294</b>
<b>Năm nay</b>						
<b>01/7/2020</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>5.136.360.000</b>	<b>81.663.014.601</b>	<b>158.783.403.294</b>
Lợi nhuận trong năm từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2021	-	-	-	-	5.671.643.333	5.671.643.333
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.000.000.000	(5.198.213.056)	(198.213.056)
Kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(1.099.597.726)	-	(1.099.597.726)
<b>30/6/2021</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>9.036.762.274</b>	<b>82.136.444.878</b>	<b>163.157.235.845</b>

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 36/NQ-ĐHĐCĐTN/2020 ngày 23 tháng 9 năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 35/BB-ĐHĐCĐTN/2020 ngày 23 tháng 9 năm 2020.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<b>30/6/2021</b>	<b>01/7/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.070.000	5.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.070.000</i>	<i>5.070.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**19. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>01/7/2020</b>
Nợ khó đòi đã xử lý của nông dân trồng mía (các hộ trồng mía đặc biệt khó khăn, không có khả năng trả nợ)	VND	12.459.952.254	12.459.952.254

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu**

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
Doanh thu bán đường	209.953.111.174	132.282.172.382
Doanh thu bán mật	18.595.238.096	14.478.190.476
Doanh thu bán phân bón	7.820.601.535	5.062.410.544
Doanh thu khác	11.849.511.629	1.373.523.429
<b>Cộng</b>	<b>248.218.462.434</b>	<b>153.196.296.831</b>
<b>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	41.745.432.899	5.851.428.572
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	20.857.142.858	18.952.380.953
Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa	36.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La	-	760.225.000
<b>Cộng</b>	<b>98.602.575.757</b>	<b>73.564.034.525</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
Giá vốn bán đường	185.407.025.932	114.322.175.953
Giá vốn bán mật	17.864.940.594	14.280.000.000
Giá vốn bán phân bón	7.456.709.925	4.787.611.755
Giá vốn khác	9.585.545.901	23.187.480
<b>Cộng</b>	<b>220.314.222.352</b>	<b>133.412.975.188</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	5.125.987	9.047.228
Lãi chậm trả	8.093.173.794	1.494.502.739
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu trồng mía	43.116.687	737.892.027
<b>Cộng</b>	<b>8.141.416.468</b>	<b>2.241.441.994</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay	20.339.087.454	11.896.352.527
Chi phí lãi chậm trả	267.255.240	309.261.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	17.439.623
<b>Cộng</b>	<b>20.606.342.694</b>	<b>12.223.053.410</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	13.560.197	19.293.266
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.874.324	8.892.811
Chi phí khấu hao TSCĐ	104.642.187	104.642.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	799.598.513	444.114.318
Chi phí bằng tiền khác	61.595.947	32.391.096
<b>Cộng</b>	<b>1.005.271.168</b>	<b>609.333.677</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	4.026.764.070	3.820.451.237
Chi phí vật liệu quản lý	16.672.865	267.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.217.102	66.944.336
Chi phí khấu hao TSCĐ	470.925.858	542.608.240
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	33.340.775
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	(49.092.607)	21.150.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.235.713	241.478.203
Chi phí bằng tiền khác	1.021.939.770	830.583.414
<b>Cộng</b>	<b>5.554.662.771</b>	<b>5.556.824.623</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
Thu tiền thuê đất	90.909.091	90.909.091
Thu nhập khác	28.440.308	29.843
<b>Thu nhập khác</b>	<b>119.349.399</b>	<b>90.938.934</b>
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	516.000.000	548.000.000
Tiền phạt chậm nộp, truy thu thuế	127.569.747	-
Chi phí khác	1.077.781.766	784.025.542
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.721.351.513</b>	<b>1.332.025.542</b>
<b>Lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(1.602.002.114)</b>	<b>(1.241.086.608)</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.277.377.803</b>	<b>2.394.465.319</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>	<b>10.737.027.588</b>	<b>1.332.025.542</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	10.737.027.588	1.332.025.542
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.014.405.391</b>	<b>3.726.490.861</b>
<i>Trong đó:</i>		
Hoạt động sản xuất đường (miễn thuế)	9.985.733.044	1.664.854.539
Hoạt động khác	8.028.672.347	2.061.636.322
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.605.734.470</b>	<b>412.327.264</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với thu nhập từ chế biến nông sản (thu nhập từ hoạt động sản xuất đường): Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định đối với thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Đối với thu nhập từ hoạt động khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

##### a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.671.643.333</b>	<b>1.982.138.055</b>
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(567.164.333)	(198.213.806)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.104.479.000</b>	<b>1.783.924.249</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.070.000	5.070.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.007</b>	<b>352</b>

##### b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.104.479.000</b>	<b>1.783.924.249</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>5.104.479.000</b>	<b>1.783.924.249</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>5.070.000</b>	<b>5.070.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.007</b>	<b>352</b>

#### 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.356.802.671	139.076.750.638
Chi phí nhân công	15.596.803.958	14.240.018.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.262.118.664	11.409.105.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.426.547.853	5.815.129.461
Chi phí khác bằng tiền	1.868.737.004	1.129.814.696
<b>Cộng</b>	<b>195.511.010.150</b>	<b>171.670.819.410</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
Chi phí lãi vay phải trả	4.445.611.970	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	-	3.215.292.965
---	---	---------------

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

##### *Giao dịch với các bên liên quan*

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

##### Các bên liên quan

Công ty TNHH Kim Hà Việt

Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt

Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La

Ông Nguyễn Hữu Quảng

##### Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt

Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa

Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Phó Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021</b>	<b>Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020</b>
<b>Công ty TNHH Kim Hà Việt</b>		
Bán hàng	41.745.432.899	5.851.428.572
Mua hàng	39.260.000	-
Lãi chậm thanh toán	456.582.315	204.327.573
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt</b>		
Bán hàng	20.857.142.858	18.952.380.953
Lãi chậm thanh toán	1.614.663.018	520.531.232
<b>Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa</b>		
Bán hàng	36.000.000.000	48.000.000.000

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020	
Lãi chậm thanh toán	3.225.538.767	-	
<b>Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La</b>			
Bán hàng	-	760.225.000	
Mua hàng	9.428.571.429	-	
Lãi mua hàng trả chậm	176.572.602	-	
<b>Ông Nguyễn Hữu Quảng</b>			
Tạm ứng	926.154.055	-	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:			
	30/6/2021	01/7/2020	
<b>Công ty TNHH Kim Hà Việt</b>			
Phải thu khách hàng	6.695.475.000	-	
Trả trước cho người bán	14.660.682.390	9.983.682.390	
Phải thu khác	29.113.124	-	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt</b>			
Phải thu khách hàng	26.500.000.000	13.400.000.000	
Phải thu khác	173.019.178	88.109.589	
<b>Công ty Cổ phần Mía Đường Tuy Hòa</b>			
Phải thu khách hàng	15.680.000.000	51.309.794.600	
Trả trước người bán	-	5.050.000.000	
Phải thu khác	3.225.538.767	-	
<b>Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La</b>			
Phải trả người bán	9.900.000.000	-	
Phải trả khác	176.572.602	-	
<b>Ông Nguyễn Hữu Quảng</b>			
Tạm ứng	577.629.424	16.000.000	
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:			
Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch	180.000.000	195.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	96.000.000	104.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên	96.000.000	104.000.000
Ông Lê Minh Thông	Thành viên	-	32.000.000

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/7/2020 đến 30/6/2021	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên	174.136.879	162.359.454
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/10/2019)	371.312.000	181.864.364
Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/10/2019)	-	88.848.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	162.214.004	157.930.288
Ông Lê Đức Duy	Phó Tổng Giám đốc	81.298.401	-
<b>Cộng</b>		<b>1.304.961.284</b>	<b>1.170.002.106</b>

## 2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh sản phẩm đường và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

## 3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được phân loại lại phù với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi tiết như sau:

#### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Từ 01/7/2019 đến 30/6/2020 (được trình bày lại)
Chi phí lãi vay	12.205.625.810	(309.273.283)	11.896.352.527
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	391	(39)	352
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	391	(39)	352

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả	(18.835.229.140)	3.723.583.648	(15.111.645.492)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.517.367.000	1.461.675.142	2.979.042.142
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.971.124.384)	(3.723.583.648)	(6.694.708.032)
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.470.722.370	(1.461.675.142)	9.047.228

## 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**

Tổng Giám đốc

**MAI THỊ TUYẾT NHUNG**

Kế toán trưởng

**TRẦN VĂN DANH**

Người lập biểu

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*